

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-ST

Ngày: 12-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thắm;

2/ Bà Nguyễn Kim Lý.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 257/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1991, tại tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1970 và bà Trần Bé H, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/8/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 20/7/2010, bị cáo chấp hành hình phạt tù tại Trại giam C đến ngày 01/12/2016 thì chấp hành xong, đã chấp hành xong phần án phí ngày 16/9/2015; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/8/2023 cho đến nay. Có mặt.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Tô L, sinh năm 1983; HKTT: Ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Số nhà C, đường X, khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Danh Đ**, sinh năm 1996; HKTT: **Tổ A, ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang**; chỗ ở: **Nhà T, phòng trọ số D, đường số D, đường D, khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương**. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1992; HKTT: **Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang**; chỗ ở hiện nay: **Đường N, khu phố G, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương**. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Ông **Nguyễn Văn L1**, sinh năm 1982; HKTT: **Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang**; chỗ ở hiện nay: **Nhà trọ Khoa Nga, phòng trọ số B, đường D, khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương**. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Ông **Trương Văn H1**, sinh năm 1982; HKTT: **Thôn E, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**; chỗ ở hiện nay: **Khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương**. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà **Thị Tuyết M**, sinh năm 1985; HKTT: **Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang**; chỗ ở hiện nay: **Nhà T, phòng trọ số B, đường H, khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương**. Có mặt.

+ Bà **Trần Bé H**, sinh năm 1969; HKTT: **Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu**. Chỗ ở hiện nay: **Khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2018, bị cáo **Nguyễn Ngọc B** từ tỉnh Bạc Liêu đến thị xã B, tỉnh Bình Dương ở trọ tại **nhà T, đường H, khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương** để sinh sống và đi làm công nhân. Bị cáo có quen biết với bà **Nguyễn Thị H2** (sinh năm 1975, nơi thường trú: **ấp M, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**) do cùng làm chung công ty.

Sáng ngày 06/8/2023, bà **H2** và bà **Nguyễn Thị Tổ L** cùng tổ chức đám cưới cho con gái của bà **H2** và con trai của bà **L** tại nhà ở của bà **L**, cạnh đường XC8A, thuộc **khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương** nên mời bị cáo đến dự tiệc. Khoảng 11 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô hiệu Honda loại Vision, biển số 68N1-342.49 chở bạn là bà **Thị Tuyết M** rủ đi đám cưới con gái của bà **H2**. Tại đây, bị cáo và bà **M** vào ngồi chung bàn tiệc với mọi người ăn uống. Đến khoảng 12 giờ 40 phút cùng ngày, bị cáo đi vào nhà bà **L** để đi vệ sinh nhưng do nhà vệ sinh phía dưới đang có người sử dụng nên bị cáo đi lên lầu 2 để đi vệ sinh. Sau khi đi vệ sinh xong, bị cáo đi ra thì thấy các phòng trên lầu 2 cửa chỉ khép hờ. Lúc này, bị cáo nảy sinh ý định vào tìm tài sản để trộm cắp nên bị cáo lén lút đi đến mở cửa phòng ngủ của bà **L** vào trong thì phát hiện 01 con heo đất đang để trên kết sắt cạnh nệm ngủ. Bị cáo lấy con heo đất để xuống nệm rồi dùng tay đập vỡ thì thấy bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 100.000 đồng và 200.000 đồng. Bị cáo liền lấy nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau

nhét đầy túi quần của mình rồi dùng cái mền chặn đẩy lên con heo bị vỡ cùng nhiều tờ tiền còn lại, sau đó bị cáo đi xuống nhà tiếp tục ăn uống. Khoảng 05 phút sau, bị cáo đi ra lấy xe mô tô biển số 68N1-342.49 điều khiển chạy đi một đoạn đến chỗ vắng, mở cốp xe lên lấy một túi vải màu đen trắng, bỏ toàn bộ số tiền trộm được vào túi vải, cất vào cốp xe rồi điều khiển xe quay lại đám cưới tiếp tục ngồi ăn uống. Đến khoảng 13 giờ 20 phút cùng ngày, ông **Trần Văn V** là bạn của bị cáo là điện thoại rủ đến phòng trọ của ông **V** ở **khu phố G, phường C, thị xã B** uống bia nên bị cáo ra lấy xe mô tô biển số 68N1-342.49 điều khiển chở bà **M** đến phòng trọ của ông **V**. Tại đây, bị cáo rủ ông **V** đi công việc, rồi bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 68N1-342.49 chở ông **V** đi đến tiệm tạp hóa gần đó, bị cáo dừng lại mở cốp xe lấy số tiền 1.200.000 đồng trả nợ cho ông **V**, rồi chở ông **V** quay về phòng trọ của ông **V** tiếp tục uống bia. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 68N1-342.49 chở bà **M** về phòng trọ của bà **M** rồi mượn xe mô tô biển số 68N1-342.49 của bà **M** tiếp tục đi uống bia với bạn hết số tiền 2.700.000 đồng. Sau đó, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 68N1-342.49 đến cửa hàng chuyển tiền nhanh do ông **Trương Văn H1** làm chủ, thuộc **khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương** lấy một số tiền trộm được đem vào nhờ đổi thành tiền mệnh giá 500.000 đồng. Ông **H1** không biết tiền do bị cáo trộm cắp mà có nên đồng ý đổi cho bị cáo được 20.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo đi chơi bida với bạn đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày thì quay lại cửa hàng của ông **H1** tiếp tục nhờ ông **H1** đổi hết số tiền trộm được còn lại được 4.000.000 đồng mệnh giá 500.000 đồng. Sau đó, bị cáo đi đến gặp bạn là ông **Nguyễn Văn L1** nhờ giữ hộ số tiền 18.000.000 đồng. Số tiền 6.000.000 đồng còn lại, bị cáo tiêu xài hết 4.420.000 đồng, còn lại 1.580.000 đồng bị cáo cất trong túi quần.

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, bà **L1** phát hiện con heo đất đã bị đập vỡ, chỉ còn lại 600.000 đồng. Bà **L1** kiểm tra camera gắn trong nhà thì phát hiện bị cáo đi vào phòng bà **L1** nên bà **L1** đã trình báo **Công an phường T, thị xã B**. Lực lượng **Công an phường T** mời bị cáo làm việc thì bị cáo đã khai nhận hành vi lấy trộm tiền của bà **L1**. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã B** giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Honda loại Vision, biển số 68N1-342.49; Tiền mặt 20.780.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của bị hại; 01 điện thoại di động OPPO A78 màu đen của bị cáo.

Quá trình điều tra, bị cáo **Nguyễn Ngọc B** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khai: Sau khi vào phòng ngủ của bà **Nguyễn Thị Tố L** đã đập vỡ heo đất và lấy trộm được số tiền 27.900.000 đồng. Đối với bà **L** khai: Số tiền trong con heo đất là tiền của bà **L** tiết kiệm có được khoảng 100.000.000 đồng nhưng không chứng minh được.

* Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định, xe mô tô hiệu Honda loại Vision, biển số 68N1-342.49 do ông **Danh Đ** đứng tên đăng ký. Khoảng đầu năm 2021, ông **Đại Đ** cho chị gái là bà **Thị Tuyết M** mượn đi làm. Ngày

06/8/2023 bà **M** đưa xe mô tô trên cho bị cáo điều khiển chở bà **M** đi đến đám cưới. Ngày 27/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã B** xử lý vật chứng giao trả xe mô tô hiệu Honda loại Vision biển số 68N1-342.49 cho ông **Danh Đ**; Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thị xã B** đã giao trả cho bị hại bà **Nguyễn Thị Tố L** số tiền 20.780.000 đồng. Bà **Nguyễn Thị Tố L** yêu cầu bị cáo **Nguyễn Ngọc B** trả lại số tiền còn lại đã chiếm đoạt là 7.120.000 đồng.

Ngày 06/12/2023 bị cáo tác động mẹ ruột là bà **Trần Bé H** bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 7.120.000 đồng và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 272/CT-VKSBC ngày 01/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo **Nguyễn Ngọc B** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc B** từ 18 tháng đến 20 tháng tù.

* Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát tuyên: Đối với 01 điện thoại di động OPPO A78 màu đen. Xét, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động OPPO A78 màu đen.

Ngày 06/12/2023 bị cáo tác động mẹ ruột là bà **Trần Bé H** bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 7.120.000 đồng và bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bà **H** không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo là 7.120.000 đồng. Do đó, không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Ngọc B** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 272/CT-VKSBC ngày 01/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân **thị xã B, tỉnh Bình Dương** đã truy tố. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về gia đình.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà **Trần Bé H** trình bày: Bà **H** là mẹ ruột bị cáo và bà đã bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo số tiền 7.120.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà **Thị Tuyết M** trình bày: Bà là bạn làm chung công ty với bị cáo. Ngày 06/8/2023 bà đưa cho bị cáo xe Honda Vision biển số 68N1-342.49 để điều khiển chở bà đi đến đám cưới. Xe mô tô trên là xe của em bà là ông **Danh Đ** đứng tên đăng ký. Khoảng đầu năm 2021, ông **Đ** có cho bà mượn xe trên đi làm. Ngày 27/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã B** xử lý vật chứng giao trả xe mô tô hiệu Honda loại Vision biển số 68N1-342.49 cho ông **Danh Đ**. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

Theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị hại bà **Nguyễn Thị Tố L** trình bày: Vào ngày 06/8/2023 bị cáo **Nguyễn Ngọc B** có trộm cắp của bà số tiền khoản 100.000.000 đồng nhưng do Cơ quan cảnh sát điều tra chỉ chứng minh được bị cáo trộm của bà số tiền 27.900.000 đồng. Gia đình bị cáo đã bồi thường xong thiệt hại cho bà. Bà không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bà đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông **Danh Đ** trình bày: Xe Honda loại Vision biển số 68N1-342.49 do ông đứng tên đăng ký xe. Đầu năm 2021, ông **Đ** có cho chị gái là bà **Thị Tuyết M** mượn xe đi làm. Ngày 27/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã B** đã giao trả xe mô tô hiệu Honda loại Vision biển số 68N1-342.49 cho ông và ông không có yêu cầu gì trong vụ án.

Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông **V**, ông **L**, ông **H1**) trình bày: Ông **V**, ông **L**, ông **H1** đã có lời khai trong hồ sơ vụ án đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thị xã B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 08/6/2023, tại nhà của bà **Nguyễn Thị Tố L**, cạnh đường X, thuộc khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, bị cáo **Nguyễn Ngọc B** đã có hành vi lén lút vào phòng ngủ của bà **L** lấy trộm con heo đất rồi đập vỡ lấy được số tiền 27.900.000 đồng. Tiền có được Bộ đã tiêu xài cá nhân hết 7.120.000 đồng. Tuy, bị hại khai bị mất trộm số tiền trong con heo đất

là tiền của bị hại tiết kiệm có được khoảng 100.000.000 đồng nhưng bị hại không đưa ra được chứng cứ chứng minh, cơ quan tiến hành tố tụng chỉ chứng minh được số tiền bị cáo trộm là 27.900.000 đồng và theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên chỉ có căn cứ xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 27.900.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 272/CT-VKSBC ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm bị cáo **B** thực hiện là ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 03 năm tù, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tội phạm do bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, hành vi trên của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm với mức án tù có thời hạn, tương xứng tính chất, mức độ, hậu quả mà bị cáo đã gây ra, cũng như giáo dục ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo có trình độ học vấn thấp, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

[7] Bị cáo phải chấp hành mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:*

[8.1] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Vision, biển số 68N1-342.49 do ông **Danh Đ** đứng tên đăng ký. Khoảng đầu năm 2021, ông **Đ** cho chị gái là bà **Thị Tuyết M** mượn đi làm. Ngày 27/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã B** xử lý vật chứng giao trả xe mô tô biển số 68N1-342.49 cho ông **Danh Đ** là phù hợp.

[8.2] Đối với số tiền mặt 20.780.000 đồng. Ngày 27/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã B** xử lý vật chứng giao trả cho bị hại bà **Nguyễn Thị Tố L** số tiền 20.780.000 đồng là phù hợp.

[8.3] Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A78 màu đen của bị cáo **Nguyễn Ngọc B**. Xét, đây là phương tiện bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[9] Trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã thỏa thuận giải quyết xong mức bồi thường thiệt hại và bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Bà **Trần Bé H** không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo là 7.120.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt và điều luật áp dụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Án phí hình sự: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 46; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc B** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc B** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2023.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A78 màu đen (không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

(Vật chứng nêu trên được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát).

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2024).

- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- CC THA thị xã Bến Cát;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Quang Bảo